

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2019/DSST

Ngày 30/9/2019

V/V: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh và bà Phạm Thị Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình:

Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2018/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXX – ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1965 (vắng mặt).

ĐKHKT: Tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà 32, phố N, tổ 30, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H – sinh năm 1978 (vắng mặt).

ĐKHKT: Tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà 12/02, ngõ 268, đường L, tổ 60, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà Đặng Thị A – sinh năm 1956 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà 204, đường L, tổ 60, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của anh H trình bày: Anh H kết hôn với chị H do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình vào ngày 04/3/2003. Vợ chồng chung sống hòa thuận khoảng 10 năm thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có con chung và bất đồng quan điểm sống. Tháng 7/2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm liên hệ với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh H đề nghị ly hôn chị H.

Chị H có ý kiến: Chị H thừa nhận vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn, có xảy ra mâu thuẫn như anh H trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H nghiện thuốc phiện. Chị đã cố gắng cai nghiện cho anh H nhưng không có kết quả, anh H vẫn tái nghiện. Đến năm 2009, hai vợ chồng sang Nga làm việc, vợ chồng không làm ăn được nên về nước sinh sống. Đến tháng 7/2017, chị H phát hiện anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên dùng những từ ngữ xúc phạm nhau. Chị đã xin phép anh H về nhà bố mẹ đẻ sống một thời gian. Khoảng 01 tháng sau, chị quay trở về nhưng anh H không cho chị về nhà nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh H đề nghị ly hôn, chị H có nguyện vọng nếu vợ chồng còn tình cảm thì quay về đoàn tụ nhưng phải yêu thương có trách nhiệm với nhau, trường hợp anh H vẫn cương quyết xin ly hôn, chị H cũng đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện anh H phải thanh toán cho chị toàn bộ số tiền chị H đã vay của bố mẹ chị H để anh H đi Nga.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung:

+ Anh H trình bày: Vợ chồng có một số tài sản chung, vợ chồng tự giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Chị H trình bày: Vợ chồng có một số tài sản chung là:

01 tủ lạnh Sam sung mua năm 2014 lúc mua 4.500.000 đ nay vợ chồng thống nhất trị giá 2.000.000 đ

01 máy điều hòa loại GL mua năm 2014 lúc mua 9.000.000 đ nay thống nhất trị giá 5.000.000 đ.

01 máy giặt loại Mitsubishi nay trị giá 3.000.000 đ.

01 lò vi sóng loại sam sung lúc mua giá 3.800.000 đ nay trị giá 2.000.000 đ .

01 xe đạp thể thao nay trị giá 1.000.000 đ.

Vợ chồng có xây công trình phụ năm 2015 hết tổng số tiền 35.000.000 đ nay trị giá không thống nhất là bao nhiêu.

Chị H đã nhận được Thông báo về việc nộp tạm ứng án phí của Tòa án nhưng vợ chồng sẽ tự giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

+ Về nợ: Ngoài khoản nợ của bà Đặng Thị A, các khoản nợ khác do chị H trình bày đều là do của bố mẹ đẻ chị vay hộ vợ chồng, không có giấy tờ, chữ ký gì nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, chị và anh H sẽ tự giải quyết với nhau. Bà Quách Thị O, ông Trần Việt H đã nhận được thông báo nộp tạm ứng án phí nhưng đến nay không nộp biên lai tạm ứng án phí nên Tòa án không giải quyết. Ông

Tạ Quốc B, ông Tạ Quốc S, Ông Trần Đăng N, bà Tạ Thị H, bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị A trình bày: Khoảng năm 2010, bà A có cho vợ chồng anh H chị H vay số tiền 2.000USD không có lãi đến nay chưa trả. nay vợ chồng ly hôn, bà A yêu cầu vợ chồng phải có trách nhiệm trả lại bà số tiền trên. Bà A yêu cầu trả bằng tiền Việt Nam đồng 2.000 USD tương đương 46.000.000 đồng.

Ngày 22/8/2019, Tòa án nhận được đơn xin rút yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình:

1. Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, xác định đầy đủ, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 BLTTDS vì vậy vụ án được đưa ra xét xử là đảm bảo đúng quy định.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Đề nghị Tòa án xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ : Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có yêu cầu độc lập; bà Đặng Thị A có đơn xin rút yêu cầu độc lập nên đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của bà A.

- Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí của bà An.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị H và bà A vẫn không có mặt tại phiên tòa. Anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh H kết hôn với chị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 04/3/2003 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có

con chung nên bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2017 đến nay mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ chung sống nên anh H đề nghị ly hôn. Chị H không muốn ly hôn, nhưng chị H không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ chung sống hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh H vẫn kiên quyết ly hôn, chị H đồng ý ly hôn với điều kiện anh H phải trả hết số tiền nợ của vợ chồng. Xét thấy lý do đồng ý ly hôn của chị H không phù hợp với quy định của pháp luật. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, ly thân kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản: Anh H không đề nghị giải quyết về tài sản chung, chị H đã nhận được thông báo nộp tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung nhưng không nộp biên lai tạm ứng án phí cho Tòa án. Quan điểm của chị H là vợ chồng sẽ tự giải quyết với nhau và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản cho vay đối với vợ chồng đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng và thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng đều không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, không nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy Tòa án sẽ không giải quyết những vấn đề liên quan trong vụ án này và sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

Đối với bà Đặng Thị A có yêu cầu độc lập và đã nộp biên lai nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà A có đơn xin rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị A đối với anh H chị H. Hoàn trả bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp và bà A vẫn có quyền yêu cầu khởi kiện lại đối với anh H chị H.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điều 217; 218; 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1/ Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị H.

2/ Về con chung: Không có con chung.

3/ Về tài sản chung: Không giải quyết trong vụ án này.

4/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị A đối với anh H chị H về số tiền cho vay 46.000.000 đồng.

Bà A vẫn có quyền khởi kiện lại đối với anh H chị H.

5/ Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chuyển số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007350 ngày

05/12/ 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình sang thành án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Đặng Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.150.000đồng tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0009806 ngày 17/4/2019.

6/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Thái Bình;
- Đương sự;
- UBND phường Bồ Xuyên;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh

